

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 05 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

2. Ông **Quách Thanh Trung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Minh Thu** –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Ông **Triệu Đăng Khoa** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 05 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Ấp 13, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

- *Bị đơn:* Bà **Văn Thanh H**, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Ấp 13, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1961 và bà **Lê Thị T**, sinh năm 1962. Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 13, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Ông N và bà H sống chung từ năm 2003, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P và được cấp giấy chứng

nhận kết hôn vào ngày 29 tháng 12 năm 2005. Ly thân khoảng 03 năm nay, lý do: Ông N cho rằng giữa ông và bà H luôn xảy ra mâu thuẫn, bà H mê cờ bạc không lo làm ăn, mặc dù ông thường khuyên ngăn nhưng không thay đổi nên hai bên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Ông không thể hàn gắn được nên ông N yêu cầu được ly hôn với bà H.

+ Việc nuôi con: ông N và bà H có một người con chung cháu tên Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2004 và hiện đang sống chung với ông N, ông M và bà T. Ông N yêu cầu cháu Đ có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi và không cấp dưỡng nuôi con.

+ Chia tài sản: Ông N và bà H có 01 căn nhà phần tài sản này ông N yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Văn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt mà không có lý do nên không thể tiến hành lấy lời khai.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị T trình bày: Ông M và bà T là cha mẹ ruột của ông N và là ông bà nội của cháu Nguyễn Quốc Đ. Cháu Đ hiện tại đang sống cùng nhà với vợ chồng ông, bà và ông N. Trong trường hợp giao cháu Đ cho vợ chồng ông, bà nuôi thì vợ chồng ông, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Đ.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật, riêng bà Văn Thị H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định tại Điều 70, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn N xin ly hôn với bà Văn Thanh H.

+ Về quan hệ con: Giao cháu Nguyễn Quốc Đ cho ông N được tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản: Do ông N yêu cầu tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị T vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn bà Văn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên

việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Quan hệ hôn nhân:** Do bà Văn Thanh H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không thể tiến hành lấy lời khai nên căn cứ vào lời khai của ông N để giải quyết. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà H là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai của ông N đã chứng minh được, ông N và bà H ly thân khoảng 03 năm nay. Lý do: Ông Hiền cho rằng giữa ông và bà H luôn xảy ra mâu thuẫn, bà H mê cờ bạc không lo làm ăn. Theo chính quyền địa phương thì giữa ông N và bà H đã từng xảy ra mâu thuẫn và cự cãi lớn tiếng. Ngoài ra, bà H không đến Tòa án để hòa giải, điều đó đã thể hiện ý chí của bà H không có thiện chí hàn gắn và duy trì mối quan hệ hôn nhân, còn ông N thì cương quyết ly hôn. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của ông N được ly hôn với bà H.

[3]. **Việc nuôi con:**

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

- Cháu Nguyễn Quốc Đ đang sống với ông N và đang phát triển bình thường, ông N yêu cầu theo nguyện vọng của cháu Đ theo ai thì người đó nuôi và cháu Đ có nguyện vọng sống chung với ông N nên việc giao cháu Đ cho ông N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 và Điều 104 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp tục nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Do ông N không yêu cầu (mặc dù đã được giải thích) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Mặc dù ông M và Tươi có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Đ và cháu Đ cũng đồng ý nhưng do hiện nay cháu Đ còn cha và ông N không thuộc trường hợp không có điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đ theo quy định tại

Điều 104 và 105 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không chấp nhận việc ông M và Tươi yêu cầu trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đ. Tuy nhiên ông M và Tươi cũng là thành viên trong gia đình và hiện đang sống chung với cháu Đ nên ông M và Tươi có quyền, nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cháu Đ theo quy định tại Điều 103 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. **Chia tài sản:** Do ông N yêu cầu tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. **Về án phí:**

- Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001028 ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G;

- Bà Văn Thanh H, ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 103, 104, 105 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn N và bà Văn Thanh H

2. Việc nuôi con:

- Giao cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2004 cho ông Nguyễn Văn N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Bà Văn Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp tục nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Do ông Nguyễn Văn N không yêu cầu (mặc dù đã được giải thích) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Ông Nguyễn Văn M và Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cháu Nguyễn Quốc Đ.

3. Chia tài sản: Do ông Nguyễn Văn N yêu cầu tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001028 ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G;

- Bà Văn Thanh H, ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tấn